

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 621/2024/DS-PT
Ngày: 19-12-2024
V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản, Hợp đồng đặt cọc”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 516/2024/TLPT-DS ngày 14 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản, Hợp đồng đặt cọc”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 130/2024/DS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 616/2024/QĐ-PT ngày 21 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Văn Thành Hoàng A, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Hồ Thị N, sinh năm 1976 (theo văn bản ủy quyền ngày 20/11/2023) (có mặt);

Địa chỉ: Số E Khu phố F, Phường I, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Số A Đ, Phường I, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Triệu Đình P, sinh năm 1990 (theo văn bản ủy quyền ngày 30/5/2024) (có mặt);

Địa chỉ: Số F T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị Hồng M, sinh năm 1981 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ A, Ấp C, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Nguyễn Ngọc H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Hồng M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn anh Văn Thành Hoàng A, có đại diện theo ủy quyền là chị Hồ Thị N trình bày:

Vào ngày 08/5/2023 anh Văn Thành Hoàng A và anh Nguyễn Ngọc H có thỏa thuận anh H sẽ chuyển nhượng cho anh Hoàng A phần đất có diện tích 2.020,6m² thuộc thửa đất số 34, tờ bản đồ số 10 tại xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang với giá chuyển nhượng là 3.000.000.000 đồng. Thời điểm thỏa thuận, phần đất trên đang được anh H thế chấp tại ngân hàng, do đó các bên thỏa thuận sau khi các bên ký và nhận đủ tiền cọc là 1.400.000.000 đồng thì anh H có nghĩa vụ trả nợ ngân hàng, xóa thế chấp đối với phần đất trên và tiến hành làm thủ tục ký kết hợp đồng chuyển nhượng theo đúng quy định. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền cọc vào ngày 08/5/2023 phía anh H không thực hiện theo thỏa thuận giữa các bên dù anh Hoàng A đã nhiều lần đôn đốc nhắc nhở. Việc anh H nhận tiền cọc nhưng không thực hiện các thủ tục có liên quan để tiến hành ký kết hợp đồng chuyển nhượng theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ, làm ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của anh Hoàng A. Do đó, anh Hoàng A khởi kiện yêu cầu hủy bỏ Hợp đồng đặt cọc ngày 08/5/2023, buộc anh H phải hoàn trả lại số tiền 1.400.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày nhận tiền là 08/5/2023 đến khi xét xử.

Ngoài ra, vào ngày 08/5/2023 anh H có vay mượn của anh Hoàng A số tiền 1.365.000.000 đồng, anh H có viết biên nhận nợ và ký tên, thỏa thuận đến ngày 08/6/2023 sẽ trả hết số tiền trên cho anh Hoàng A. Tuy nhiên đến nay, dù anh Hoàng A đã nhiều lần yêu cầu nhưng anh H vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả số tiền trên cho anh Hoàng A. Nay anh Hoàng A yêu cầu anh H phải trả anh Hoàng A số tiền 1.365.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 08/6/2023 đến khi xét xử. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn thì nguyên đơn không đồng ý.

Bị đơn Nguyễn Ngọc H trình bày:

Thông nhất với việc giữa anh và anh Hoàng A có thỏa thuận chuyển nhượng thửa đất tại xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang và có ký kết Hợp đồng đặt cọc vào ngày 08/5/2023 với số tiền cọc anh đã nhận là 1.400.000.000 đồng. Nay anh Hoàng A yêu cầu hủy hợp đồng đặt cọc trên anh thống nhất và đồng ý trả số tiền cọc đã nhận là 1.400.000.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh theo yêu cầu của nguyên đơn. Đối với số tiền 1.365.000.000 đồng theo biên nhận nợ ngày

08/5/2023 anh thống nhất chữ ký trong biên nhận là do anh ký, nhưng anh chưa nhận được số tiền trên nên không đồng ý trả cho anh Hoàng A.

Người đại diện theo ủy quyền của anh H là anh Triệu Đình P trình bày:

Do anh H có quen biết với chị Nguyễn Thị Hồng M. Anh H biết chị M có quan hệ vay mượn với anh Hoàng A và cần vay thêm tiền nên anh H đồng ý ký hợp đồng đặt cọc với anh Hoàng A để xác nhận số tiền chị M nợ anh Hoàng A. Sau khi ký hợp đồng đặt cọc, anh Hoàng A không giao số tiền 1.400.000.000 đồng cho anh H, các bên cũng không có lập biên nhận nợ số tiền cọc 1.400.000.000 đồng. Đồng thời anh Hoàng A còn tiếp tục yêu cầu chị M trao đổi với anh H, để anh H ký thêm tờ biên nhận nợ với số tiền 1.365.000.000 đồng trong ngày 08/5/2023, phía anh H cũng không nhận số tiền trên. Tất cả các giao dịch anh H đứng ra ký kết với anh Hoàng A nhằm hợp thức số tiền vốn lãi mà chị M còn nợ anh Hoàng A. Tuy giữa anh H, chị M và anh Hoàng A không trực tiếp thỏa thuận bằng văn bản về việc hợp thức số tiền mà chị M nợ anh Hoàng A thông qua việc ký Hợp đồng đặt cọc ngày 08/5/2023 nhưng tại nội dung của vi bằng có thể hiện các đoạn tin nhắn trao đổi giữa anh Hoàng A với chị M có liên quan đến việc anh H chỉ đứng ra ký hợp đồng đặt cọc và giấy nhận nợ để xác nhận số tiền của chị M nợ anh Hoàng A.

Do đó, anh H không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, phía anh H có yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng đặt cọc ký ngày 08/5/2023 và biên nhận nợ ngày 08/5/2023 mà anh Nguyễn Ngọc H đã ký kết là vô hiệu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Hồng M trình bày:

Từ năm 2021 chị có vay tiền của anh Văn Thành Hoàng A với lãi suất vay là 30%/tháng, khi vay các bên có lập biên nhận nhưng phía anh Hoàng A giữ bản chính. Từ ngày 22/12/2022 đến ngày 08/5/2023 chị tiếp tục vay của anh Hoàng A số tiền khoảng 849.260.000 đồng, nhưng đến nay chưa trả vốn. Chị và anh Hoàng A trao đổi thông tin thông qua tài khoản Zalo, tuy nhiên những thông tin về tiền lãi đã được anh Hoàng A thu hồi. Ngày 04/5/2023 chị có nhu cầu vay tiền thêm từ anh Hoàng A thì được anh Hoàng A thống nhất thông qua hình thức nhờ anh H đứng ra ký hợp đồng đặt cọc phần đất của anh H, đất hiện đang thế chấp tại ngân hàng, phía anh H thống nhất hỗ trợ để giúp chị vay thêm tiền. Anh Hoàng A có yêu cầu chị gửi các thông tin về thửa đất ký cọc, hợp đồng tín dụng tại ngân hàng và thông tin xác nhận tình trạng hôn nhân của anh H để soạn thảo hợp đồng đặt cọc. Sau đó, anh Hoàng A tiếp tục yêu cầu anh H phải viết thêm tờ biên nhận nợ số tiền 1.365.000.000 đồng, nội dung cam kết đến ngày 08/6/2023 trả đủ tiền cho anh Hoàng A. Chiều ngày 08/5/2023 anh Hoàng A báo lại chị phải chịu thêm số tiền 1.600.000 đồng phí công chứng nên số tiền trong hợp đồng đặt cọc thống nhất là 1.400.000.000 đồng, đến 17h16 ngày 08/5/2023 sau khi anh H ký biên nhận nợ 1.365.000.000 đồng và ký vào hợp đồng đặt cọc tại Văn phòng Công chứng thì anh Hoàng A có chuyển khoản cho chị vay số tiền 168.400.000 đồng. Do đó, chị xác nhận giữa anh H và anh Hoàng A không phát sinh quan hệ đặt cọc cũng như vay mượn tiền mà anh H chỉ giúp chị hợp thức

hóa số tiền vốn lãi chị còn nợ anh Hoàng A. Chị M thống nhất với lời trình bày của đại diện bị đơn, tuy chị không đưa ra được tài liệu chứng cứ về việc giữa chị, anh Hoàng A và anh H có lập thỏa thuận về việc nhờ anh H đứng ra ký nhận hợp đồng đặt cọc để hợp thức hóa số tiền chị đã vay của anh Hoàng A nhưng tại nội dung tin nhắn Zalo trao đổi giữa chị và anh Hoàng A đã được lập vi bằng có thể hiện nội dung sự việc anh Hoàng A đứng ra trao đổi thông tin cũng như yêu cầu anh H viết biên nhận không ngày 08/5/2023.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị N là đại diện của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu hủy Hợp đồng đặt cọc ngày 08/5/2023 và buộc anh H phải trả cho anh Hoàng A số tiền 1.400.000.000 đồng, đồng thời xin rút lại yêu cầu tính lãi đối với số tiền cọc 1.400.000.000 đồng. Trường hợp Hội đồng xét xử tuyên hợp đồng đặt cọc vô hiệu thì nguyên đơn yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, buộc anh H trả lại số tiền cọc đã nhận là 1.400.000.000 đồng. Đến phiên tòa ngày 02/8/2024, đại diện nguyên đơn xin rút lại yêu cầu buộc anh H trả số tiền cọc 1.400.000.000 đồng và phần tiền lãi, do chưa đủ căn cứ khởi kiện. Đối với số tiền vay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bị đơn giao trả số tiền 1.365.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 08/6/2023 đến khi xét xử, thống nhất làm tròn 13 tháng với số tiền 147.283.500 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 1.512.283.500 đồng. Về quan hệ vay tiền giữa anh Hoàng A với chị M, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu tuyên vô hiệu Hợp đồng đặt cọc ngày 08/5/2023 và vô hiệu Giấy mượn tiền ngày 08/5/2023, không đồng ý trả lại số tiền cọc 1.400.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất với toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn và không có ý kiến gì khác.

Bản án dân sự sơ thẩm số 130/2024/DS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 328, 423, 427, 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Văn Thành Hoàng A đối với anh Nguyễn Ngọc H.

Tuyên hủy Hợp đồng đặt cọc ký giữa anh Văn Thành Hoàng A và anh Nguyễn Ngọc H, hợp đồng được công chứng tại Văn phòng C số công chứng 4581, quyền số 01/2023TP/CC-SCC/HĐGD.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Văn Thành Hoàng A về việc yêu cầu anh Nguyễn Ngọc H trả số tiền cọc 1.400.000.000 đồng và phần tiền lãi đối với số tiền 1.400.000.000 đồng.

Buộc anh Nguyễn Ngọc H phải trả cho anh Văn Thành Hoàng A số tiền vay là 1.512.283.500 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Ngọc H đối với anh Văn Thành Hoàng A về việc tuyên bố Hợp đồng đặt cọc ngày 08/5/2023 và Biên nhận nợ ngày 08/5/2023 là vô hiệu.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 08/8/2024, bị đơn Nguyễn Ngọc H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Hồng M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, cùng nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tuyên bố Hợp đồng đặt cọc giữa anh Nguyễn Ngọc H với anh Văn Thành Hoàng A được công chứng, chứng thực ngày 08/5/2023, số công chứng 4581 tại Văn phòng C vô hiệu.

- Tuyên bố Giấy biên nhận nợ giữa anh Nguyễn Ngọc H với anh Văn Thành Hoàng A ký ngày 08/5/2023 vô hiệu.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố và yêu cầu kháng cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Án sơ thẩm giải quyết là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Anh H và chị M kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới làm thay đổi bản chất vụ án nên không được chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh H và chị M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Nguyễn Ngọc H, chị Nguyễn Thị Hồng M nộp đơn kháng cáo và thực hiện thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Ngọc H, chị Nguyễn Thị Hồng M, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Xét Hợp đồng đặt cọc được ký kết giữa anh Nguyễn Ngọc H với anh Văn Thành Hoàng A ngày 08/5/2023, số công chứng 4581, quyền số 01/2023TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C (sau đây gọi tắt là Hợp đồng đặt cọc ngày 08/5/2023):

Anh Nguyễn Ngọc H thừa nhận anh có ký Hợp đồng đặt cọc với anh Văn Thành Hoàng A tại Văn phòng C vào ngày 08/5/2023, tuy nhiên anh H cho rằng việc ký hợp đồng này chỉ nhằm hợp thức hóa số tiền vốn lãi mà chị M còn nợ anh Hoàng A và đảm bảo cho chị M được tiếp tục vay tiền của anh Hoàng A.

Xét anh H và anh Hoàng A đều có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự; anh H cũng thừa nhận việc ký hợp đồng đặt cọc không bị ép buộc, đe dọa và hợp đồng đã được công chứng theo quy định pháp luật. Tuy rằng nội dung tin nhắn trao đổi giữa chị M với anh Hoàng A thể hiện các thông tin liên quan đến thừa đất ký cọc là do chị M cung cấp cho anh Hoàng A, không phải do anh H trực tiếp cung cấp nhưng lại không chứng minh được việc anh Hoàng A và anh H ký hợp đồng đặt cọc nhằm hợp thức hóa số tiền vốn lãi mà chị M còn nợ anh Hoàng A. Ngoài nội dung tin nhắn, chị M và anh H cũng không cung cấp được chứng cứ khác chứng minh có sự thỏa thuận giữa các bên về nội dung nêu trên. Như vậy, Hợp đồng đặt cọc ngày 08/5/2023 được ký kết giữa anh Nguyễn Ngọc H với anh Văn Thành Hoàng A đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc tuyên bố Hợp đồng đặt cọc ngày 08/5/2023 vô hiệu là có căn cứ.

Quá trình xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đều thống nhất việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Hợp đồng đặt cọc ngày 08/5/2023 không thể tiếp tục thực hiện. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc hủy Hợp đồng đặt cọc ngày 08/5/2023 là có căn cứ.

[2.2] Đối với Giấy mượn tiền ngày 08/5/2023:

Xét thấy anh Nguyễn Ngọc H là người có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự. Anh H thừa nhận chữ ký trên giấy mượn tiền này là của anh và việc ký giấy mượn tiền không bị ép buộc, đe dọa. Tuy nhiên, anh H cho rằng việc ký giấy mượn tiền cũng chỉ nhằm hợp thức hóa số tiền vốn lãi mà chị M còn nợ anh Hoàng A, anh hoàn toàn không được nhận số tiền này nhưng lại không cung cấp được chứng cứ chứng minh; nội dung tin nhắn lập vi bằng mà chị M cung cấp chỉ thể hiện anh Hoàng A có chuyển cho chị M tổng số tiền 819.660.000 đồng, chị M có viết biên nhận ngày 05/5/2023 xác nhận số tiền đã vay anh Hoàng A là 1.005.000.000 đồng, không phù hợp với số tiền

1.365.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 08/5/2023, cũng không phù hợp với số tiền vốn lãi với mức lãi suất 30%/tháng như chị M trình bày. Về phía nguyên đơn, anh Hoàng A không thừa nhận lời khai nại của anh H và chị M về việc anh H ký Giấy mượn tiền ngày 08/5/2023 nhằm hợp thức hóa số tiền vốn lãi mà chị M còn nợ anh Hoàng A. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng A về việc buộc anh H trả cho anh Hoàng A 1.365.000.000 đồng tiền vốn là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía bị đơn cho rằng thời gian viết giấy mượn tiền vào lúc 09 giờ 05 phút nhưng hai bên gặp nhau chiều cùng ngày tại Văn phòng Công chứng là không phù hợp: Hội đồng xét xử nhận thấy việc anh H viết giấy mượn tiền trước thời gian gặp nhau trong ngày cũng không chứng minh đây là giấy mượn tiền không có thật để anh H chối bỏ trách nhiệm trả nợ, bởi chính anh thừa nhận chữ ký trong giấy mượn tiền là của mình.

Về yêu cầu tính lãi, xét thấy anh H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn như đã thỏa thuận (hạn trả nợ là ngày 08/6/2023) và tại giấy mượn tiền không thể hiện nội dung các bên có thống nhất tiền lãi hàng tháng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của anh Hoàng A về việc buộc anh H trả tiền lãi số tiền 1.365.000.000 đồng tính từ ngày 08/6/2023 đến ngày 31/7/2024 (làm tròn 13 tháng) với số tiền $1.365.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 13 \text{ tháng} = 147.283.500 \text{ đồng}$ là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[2.3] Các nội dung khác của quyết định án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[2.4] Anh H và chị M kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới làm thay đổi bản chất vụ án nên không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Anh H và chị M mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo của anh, chị không được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là có căn cứ, phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Ngọc H, chị Nguyễn Thị Hồng M.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 130/2024/DS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 148, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều

328, 423, 427, 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Văn Thành Hoàng A về việc yêu cầu anh Nguyễn Ngọc H trả số tiền cọc 1.400.000.000 đồng và phần tiền lãi đối với số tiền 1.400.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Văn Thành Hoàng A đối với anh Nguyễn Ngọc H về việc:

Hủy Hợp đồng đặt cọc ký giữa anh Văn Thành Hoàng A với anh Nguyễn Ngọc H, hợp đồng được công chứng tại Văn phòng C số công chứng 4581, quyền số 01/2023TP/CC-SCC/HĐGD.

Buộc anh Nguyễn Ngọc H phải trả cho anh Văn Thành Hoàng A số tiền vay là 1.512.283.500 đồng (trong đó tiền vốn là 1.365.000.000 đồng, tiền lãi là 147.283.500 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Ngọc H đối với anh Văn Thành Hoàng A về việc tuyên bố Hợp đồng đặt cọc ngày 08/5/2023 và Giấy mượn tiền ngày 08/5/2023 là vô hiệu.

4. Về án phí:

4.1. Án phí sơ thẩm:

Anh Nguyễn Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận và 57.368.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006373 ngày 03/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M nên anh H còn phải nộp tiếp 57.368.500 đồng.

H1 lại anh Văn Thành Hoàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 28.046.000 đồng theo biên lai số 0005443 và số tiền 27.090.000 đồng theo biên lai số 0005442, cùng ngày 05/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M.

4.2. Án phí phúc thẩm:

Anh Nguyễn Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006548 ngày 19/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, xem như anh đã nộp xong.

Chị Nguyễn Thị Hồng M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006538 ngày 16/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, xem như chị đã nộp xong.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thành phố M;
- CCTHADS thành phố M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phong